

Số: 1047^q/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 30 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm
của Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 – 2022, tầm nhìn 2030**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức cán bộ và Trường Ban Quản lý Chương trình ETEP,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm của Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2022, tầm nhìn 2030.

Điều 2. Các đơn vị trực thuộc Trường có trách nhiệm lập kế hoạch hành động; mô tả các nhiệm vụ và hành động cụ thể, các bước thực hiện; yêu cầu và cam kết về nguồn lực và công tác tổ chức thực hiện phù hợp với Kế hoạch chiến lược.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường các đơn vị: Tổ chức cán bộ, Ban Quản lý Chương trình ETEP; Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Lưu: TCCB, VP.ETEP.


GS. TS. Đinh Xuân Khoa



KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

Phát triển lĩnh vực Sư phạm của Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 – 2022, tầm nhìn 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10479/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 10 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

Phần 1.

BỐI CẢNH

1. Bối cảnh quốc tế

Bước vào thế kỷ XXI, xu hướng toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ 4.0 đã đặt ra cho nhân loại yêu cầu cần phải đổi mới giáo dục theo hướng xây dựng một nền giáo dục “mọi người đều được học và học suốt đời”. Triết lý giáo dục này được thể hiện vào tư tưởng chủ đạo lấy học thường xuyên, suốt đời làm nền móng, xây dựng 04 trụ cột của giáo dục: học để biết, học để làm việc, học để làm người, học để chung sống. Theo quan điểm của UNESCO, xu hướng của giáo dục thế giới hiện nay là:

- Xem giáo dục là một lực lượng sản xuất xã hội: Sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ và sự hình thành kinh tế tri thức đã hé mở tương lai tươi sáng cho loài người tiến tới một nền sản xuất tự động hoá hoàn toàn, trong đó con người phát huy cao độ khả năng sáng tạo của mình bằng lao động trí óc. Vì thế, giáo dục không chỉ là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng mà còn là một lực lượng sản xuất xã hội. Muốn phát triển kinh tế xã hội thì trước hết phải phát triển lực lượng sản xuất.

- Xu thế toàn dân học tập suốt đời: Bước vào thế kỷ XXI, Ủy ban Giáo dục của UNESCO đã khẳng định lại điều này như một tư tưởng chỉ đạo sự phát triển giáo dục đào tạo. Trong bối cảnh đó, nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang cải cách hệ thống giáo dục nhằm vào trọng tâm là giáo dục cho mọi người, giáo dục suốt đời làm cho ước vọng của mỗi người có khả năng trở thành hiện thực.

- Xu hướng giáo dục toàn diện trên cơ sở hướng mạnh vào tính chủ động cá nhân và thích ứng tương lai. Giáo dục phải hướng vào mục tiêu đào tạo ra những người có đủ tri thức và có kỹ năng, năng lực, phẩm chất với tinh thần trách nhiệm đầy đủ của người công dân tham gia vào cuộc sống lao động.

- Xu thế áp dụng dạy học đa phương tiện. Theo đà phát triển của kỹ thuật đa cực, một hình thức giảng dạy mới được hình thành - hình thức dạy học online với nhiều ưu điểm nổi bật: không đơn điệu ngôn ngữ mà có thể dùng kết hợp cả âm thanh hình ảnh; có thể sử dụng phần mềm sẵn có để khai thác, nghiên cứu; có thể giảng dạy trong trường hoặc nối mạng ra ngoài; làm thay đổi rất lớn giáo án, giáo trình. Sử dụng ICT trong giảng dạy là xu thế tất yếu trong giáo dục đào tạo trên thế giới.

- Xu hướng quốc tế hóa trong hoạt động giáo dục là một tất yếu trong điều kiện hội nhập quốc tế, chuyển giao công nghệ và tri thức toàn cầu hiện nay. Nhiệm vụ giáo dục các phẩm chất công dân toàn cầu theo hướng văn minh của thời đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về trình độ, tạo ra bước đột phá và sức mạnh để người học sau khi ra trường có khả năng tham gia cạnh tranh bình đẳng trong hệ sinh thái lao động toàn cầu là yêu cầu cấp thiết đối với nền giáo dục hiện đại, trong đó có Việt Nam.

Bối cảnh quốc tế đó đòi hỏi giáo dục Việt Nam phải đổi mới căn bản, toàn diện, trong đó đổi mới về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên là trụ cột, xương sống cho quá trình đổi mới giáo dục.

2. Bối cảnh trong nước

Ngày 4/11/2013, tại kỳ họp thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Mục tiêu của Nghị quyết 29-NQ/TW là tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng XHCN và bản sắc dân tộc. Phân đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Nghị quyết số 29-NQ/TW cũng đã đề ra mục tiêu: "*Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế*". Nghị quyết này định hướng đường lối cho quá trình cải cách sâu rộng trong toàn ngành giáo dục.

Thực hiện yêu cầu đó, từ năm 2013 đến nay, Ngành Giáo dục đã thực hiện hàng loạt các biện pháp nhằm đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Nổi bật là xây dựng Chương trình Giáo dục phổ thông mới; đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo tất cả ở các cấp học; nghiên cứu và ban hành các văn bản pháp quy về Chuẩn giáo viên các cấp, Chuẩn Hiệu trưởng, quy trình xây dựng chương trình...; từng bước đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo theo hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở

Thực hiện yêu cầu đó, từ năm 2013 đến nay, Ngành Giáo dục đã thực hiện hàng loạt các biện pháp nhằm đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Nổi bật là xây dựng Chương trình Giáo dục phổ thông mới; đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo tất cả ở các cấp học; nghiên cứu và ban hành các văn bản pháp quy về Chuẩn giáo viên các cấp, Chuẩn Hiệu trưởng, quy trình xây dựng chương trình...; từng bước đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo theo hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng. Sau 5 năm triển khai, nền giáo dục Việt Nam đã có những chuyển biến hết sức căn bản trên nhiều phương diện.

Tuy nhiên, một trong những yêu cầu hết sức căn bản là cần phải phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Hệ thống các trường đào tạo giáo viên của Việt Nam có nhiều điểm mạnh nhưng chưa thực sự sẵn sàng để giúp đội ngũ giáo viên đạt được các chuẩn năng lực và kỹ năng mới. Các chương trình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) chưa được cập nhật. Phương thức BDTX cho giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (CBQLCSGDPT) theo Chuẩn giáo viên, Chuẩn Hiệu trưởng, theo Chương trình giáo dục phổ thông mới cần có sự thay đổi theo hướng hiện đại, phù hợp với sự phát triển với trình độ phát triển của công nghệ thông tin (ICT). Để thực hiện được yêu cầu đó, các trường sư phạm chủ chốt cần được nâng cao năng lực đào tạo bồi dưỡng, phối hợp hoạt động một cách đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu mới của giáo viên và cán bộ quản lý các trường phổ thông.

Ngày 29/6/2016, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 732/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025”. Theo đề án này, phấn đấu đến năm 2020, 100% giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được đào tạo đạt chuẩn về trình độ trở lên theo quy định. Đối với đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông. Ngoài ra, đến năm 2025, Đề án bảo đảm năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý được chuẩn hóa ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

Tính đến năm 2018 cả nước có 113 cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và 04 cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, trong đó có 09 trường đại học sư phạm, 05 trường đại học sư phạm kỹ thuật, 01 trường đại học giáo dục, 01 học viện cán bộ quản lý giáo dục, 33 trường cao đẳng sư phạm, các trường đại học đa ngành có đào tạo sư phạm... Để tăng cường năng lực đội ngũ hiệu quả, trên cơ sở cơ cấu hệ thống giáo

dục quốc dân mới, ngành giáo dục và đào tạo sẽ rà soát lại quy hoạch, phân cấp phân tầng cụ thể trong quản lý, cũng như hoạt động chuyên môn.

Việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên để đào tạo giáo viên cũng là nội dung cần chú trọng. Đây là giải pháp có tính quyết định nhằm tạo ra nguồn giảng viên trẻ giàu tri thức và nhiệt huyết, có khả năng thích ứng linh hoạt với yêu cầu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Đội ngũ giảng viên trẻ chính là lực lượng kế cận quan trọng để hội nhập và phát triển giáo dục theo xu hướng phát triển của thời đại.

Vì vậy, để đáp ứng sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước cũng như của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực đội ngũ giáo viên của tỉnh các tỉnh Bắc Trung bộ và cả nước, Trường Đại học Vinh cần thiết phải xây dựng chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm thuộc Trường Đại học Vinh.

3. Bối cảnh Nhà trường và lĩnh vực Sư phạm của Trường Đại học Vinh

3.1. Thông tin chung về Trường:

Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Địa chỉ: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0383.855.452

Fax: 0383.855269

E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Website: www.vinhuni.edu.vn

3.2. Bối cảnh Nhà trường

Trường Đại học Vinh được thành lập từ năm 1959, với tên gọi Trường Đại học Sư phạm Vinh. Nhà trường vinh dự là trường đại học đầu tiên của Trung ương đóng trên quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, mảnh đất địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng. Những năm 1990, trước yêu cầu thực tiễn xây dựng đất nước, Trường mở thêm các ngành đào tạo ngoài lĩnh vực sư phạm. Đến năm 2001, Trường được đổi tên thành Trường Đại học Vinh, với nhiệm vụ đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, từ trình độ đại học đến trình độ tiến sĩ, trong đó Sư phạm là lĩnh vực đào tạo chính. Đến nay, Trường đã có lịch sử 60 năm xây dựng và phát triển. Trong suốt tiến trình lịch sử đó, đào tạo sư phạm luôn được coi là lĩnh vực chính, làm nòng cốt về chất lượng để phát triển các ngành đào tạo khác.

Ra đời trong những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Trường Đại học Vinh đã trải qua những chặng đường phát triển vô cùng gian khổ nhưng cũng rất đổi vinh quang. Trong cuộc chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ gây ra đối với Miền Bắc, Nhà trường đã trải qua 8 năm sơ tán, gian nan tột bậc, chịu tổn thất nặng nề nhất trong hệ thống các trường đại học. Đến năm 1973, Nhà trường mới quay trở lại thành phố Vinh và phải xây dựng lại hoàn toàn. Trong những năm tháng khó khăn chung của đất nước trước đổi mới, Nhà trường đã ra sức khắc phục

mọi khó khăn, thử thách, bằng ý chí tự lực tự cường, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng thi đua dạy tốt, học tốt. Từ những năm 1990, tiếp thu tinh thần đổi mới của Đảng, đường lối, chính sách của Nhà nước, Nhà trường đã từng bước ổn định và mở rộng phát triển theo hướng đa ngành. Năm 2001, ghi nhận những nỗ lực và cố gắng của tập thể Nhà trường trong việc chuyển từ một trường đại học sư phạm trở thành một trường đại học đa ngành, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm Quốc gia. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục lần thứ 2 vào năm 2017.

Cơ cấu tổ chức của Trường hiện có 6 viện, 7 khoa đào tạo, 12 phòng ban, 12 trung tâm, trạm, 2 văn phòng đại diện với 54 ngành đào tạo đại học; 37 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và 17 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ với gần 40.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Trường THPT Chuyên trực thuộc Trường Đại học Vinh là 1 trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước. Trường Thực hành Sư phạm Đại học Vinh với các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.

Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước khoảng 60.000 cử nhân sư phạm; 8.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm chiếm trên 80%. Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh được đào tạo toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng sống... nên khi ra trường sớm khẳng định được năng lực chuyên môn, được các nhà tuyển dụng đánh giá cao. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Cùng với hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn quan tâm hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Đội ngũ giảng viên tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Nhà trường có quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng cán bộ với hàng chục cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức khoa học quốc tế từ châu Âu, châu Á, châu Mỹ và châu Úc. Trong những năm gần đây, Nhà trường đã chủ trì tổ chức nhiều hội thảo khoa học khu vực và quốc tế; tạo lập được các nhóm nghiên cứu với các nhà

khoa học đầu ngành. Chỉ tính trong 5 năm gần đây, Trường triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp; tổ chức trên 100 hội thảo khoa học; có trên 2.000 bài báo của cán bộ được công bố ở các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Trường luôn nằm trong top 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.

Với phương châm: *"Nuôi dưỡng say mê - Khuyến khích sáng tạo - Tôn trọng khác biệt - Thúc đẩy hợp tác"*, trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, từ 17 cán bộ giảng dạy và một số cán bộ hành chính đầu tiên, đến nay Trường có 1.041 người (*bao gồm 7 sĩ quan biệt phái*), trong đó có: 726 cán bộ giảng dạy, 315 cán bộ hành chính, 3 giáo sư, 53 phó giáo sư, 276 tiến sĩ và 509 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hiện nay của Nhà trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước.

Về cơ sở vật chất, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Trường Đại học Vinh hiện nay có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập.

Đảng bộ Trường Đại học Vinh là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh Nghệ An. Hiện nay, Đảng bộ có 10 đảng bộ bộ phận, 42 chi bộ (trong đó có 13 chi bộ cán bộ, 10 chi bộ học viên, sinh viên trực thuộc đảng bộ bộ phận, 19 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường). Toàn Đảng bộ có 923 đảng viên, trong đó có 626 cán bộ, 297 sinh viên, học viên cao học. Đảng bộ Nhà trường nhiều năm liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Với những kết quả toàn diện trong 60 năm xây dựng và phát triển, tập thể Nhà trường, các đơn vị và cá nhân trong Trường đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009 và năm 2014), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Hiện nay, Nhà trường đang đổi mới căn bản công tác tổ chức và quản lý Nhà trường; đẩy mạnh tái cấu trúc, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động; triển khai xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025; tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động đào tạo; tổ chức triển khai xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy tiếp cận CDIO; phối hợp với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tham gia vào quá trình đào tạo; nâng cao chất lượng công tác thực hành, thí nghiệm, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên, học viên; thực hiện phong trào thi đua *"Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học"*; hướng tới tự chủ đại học.

3.3. Bối cảnh lĩnh vực Sư phạm Trường Đại học Vinh

Trong suốt 60 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn lấy chất lượng đào tạo giáo viên, chất lượng của một trường sư phạm mẫu mực làm động lực cho sự phát triển. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXXI đã xác định phương hướng phát triển của Nhà trường trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 là: *"Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chủ động hội nhập quốc tế; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, đồng bộ về cơ cấu; xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN"*.

Chất lượng đào tạo, uy tín và thương hiệu đào tạo ngành sư phạm của Trường Đại học Vinh đã được khẳng định trên cả nước. Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, từ một trường sư phạm với hai khoa cơ bản đầu tiên, đào tạo chủ yếu giáo viên dạy các môn học ở Trung học phổ thông, đến nay, nhà trường đã có 50 ngành đào tạo đại học, trong đó có 15 ngành đào tạo sinh viên sư phạm (với tổng sinh viên khoảng 4.300). Trường Đại học Vinh đã và đang đào tạo các ngành đào tạo cấp bằng cử nhân sư phạm: Giáo viên THPT có trình độ đại học (Toán, Lý, Hoá, Tin học, Sinh, Sử, Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh, Địa lí, Giáo dục thể chất, Quốc phòng An ninh); Giáo viên THCS có trình độ đại học và cao đẳng (Văn - Sử, Toán - Lý, Thể dục, Sinh Hoá, Tiếng Anh); Giáo viên Tiểu học, giáo viên Mầm non, giáo viên dạy 2 môn (Thể dục - Quân sự; Chính trị - Quân sự có trình độ đại học). Về đào tạo Sau đại học, Trường Đại học sư phạm Vinh (nay là Trường Đại học Vinh) được giao nhiệm vụ bồi dưỡng Sau đại học từ năm 1977, đào tạo trình độ tiến sĩ từ năm 1990 và đào tạo cao học cấp bằng Thạc sĩ từ năm 1993. Đến nay hầu hết các ngành đào tạo giáo viên đều có đào tạo Sau đại học. Tất cả học viên Cao học và nghiên cứu sinh tốt nghiệp tại Trường Đại học Vinh đều phát huy tốt vai trò của mình trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của các tỉnh Bắc Trung Bộ và cả nước.

Nhà trường đang trong quá trình tái cơ cấu theo hướng tách khỏi ngành ngoài sư phạm ra khỏi khối ngành sư phạm. Sau tái cơ cấu giai đoạn 1, Trường có 02 viện và 04 khoa đào tạo thuộc khối ngành sư phạm: Viện Sư phạm tự nhiên, Viện Sư phạm xã hội, Khoa Giáo dục, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Khoa Giáo dục thể chất, Khoa Giáo dục Quốc phòng. Trường có 02 trường trực thuộc gồm: Trường Trung học Phổ thông Chuyên và Trường Thực hành sư phạm. Như vậy, có thể nói với quy mô ngành đào tạo của Nhà trường, sau tái cơ cấu lần một đã phần nào làm cho cơ cấu tổ chức của Nhà trường phù hợp hơn với giai đoạn hiện nay.

Đội ngũ giảng viên sư phạm hiện nay gồm 344 người, trong đó có 55 giáo sư và phó giáo sư, 202 tiến sĩ, 126 thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên sư phạm cơ hữu của Trường có

học hàm Giáo sư, Phó giáo sư trên tổng số giảng viên cơ hữu là 15,98%, trình độ tiến sĩ là 58,72%, tỷ lệ này thuộc tốp đầu các trường sư phạm hiện nay. Đội ngũ giảng viên sư phạm của Nhà trường có trên 30% đủ trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài và phát huy quyền tự chủ trong học thuật. Bên cạnh đội ngũ giảng viên sư phạm cơ hữu, hàng năm Nhà trường còn mời hàng trăm chuyên gia sư phạm trong và ngoài nước tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường. Đội ngũ giảng viên sư phạm của Trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, tận tâm với nghề và Nhà trường. Nhiều giảng viên sư phạm của Trường là thành viên, cộng tác viên của các hội đồng, tổ chức khoa học quốc gia và quốc tế. Bên cạnh việc coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, việc bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên được đặc biệt coi trọng. Công tác dự giờ thăm lớp nhằm góp ý rèn nghề cho các giảng viên sư phạm của Trường được tiến hành thường xuyên trong từng học kỳ, năm học. Để tăng cường sự gắn kết giữa đào tạo ở trường đại học với chương trình giáo dục với các trường trung học phổ thông, Trường luôn duy trì việc cử giảng viên đi thực tế tại các trường trung học phổ thông của các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Theo đó, mỗi giảng viên trẻ tham gia đào tạo các ngành sư phạm, nhất là các giảng viên giảng dạy bộ môn phương pháp giảng dạy phải có chương trình ít nhất là 1 học kỳ đến làm việc tại trường để tham gia các hoạt động chuyên môn, hoạt động giảng dạy và giáo dục tại trường. Đặc biệt Trường đã đầu tư xây dựng hệ thống trường thực hành sư phạm chất lượng cao với đầy đủ các bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông. Bên cạnh đó Trường duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của Trường Trung học phổ thông Chuyên, với truyền thống trên 30 năm đào tạo, bồi dưỡng học sinh chuyên.

Cùng với các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước, Trường Đại học Vinh cũng đẩy mạnh hợp tác quốc tế thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên, tham gia các khóa bồi dưỡng trung hạn hoặc ngắn hạn ở nước ngoài. Các hoạt động này đã giúp giảng viên sư phạm bổ sung, cập nhật những xu hướng mới, công nghệ đào tạo và phương pháp dạy học mới. Đặc biệt những năm gần đây số giảng viên sư phạm đi học thạc sĩ và nghiên cứu sinh ở nước ngoài ngày càng tăng. Trong những năm tới, các cán bộ này sẽ là lực lượng cán bộ có trình độ cao góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng đào tạo ngành sư phạm của trường Đại học Vinh. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường cũng mời về hàng trăm nhà khoa học đầu ngành khối sư phạm trong nước và quốc tế giảng dạy các chuyên đề chuyên sâu cho sinh viên, học viên.

Trường Đại học Vinh được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn là 01 trong 08 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục của cả nước thực hiện

Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (Tên tiếng Anh: Enhancing Teacher Education Program – viết tắt là ETEP) và bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

Từ năm học 2015-2016 đến nay Trường Đại học Vinh đang thực hiện tuyển sinh theo khối ngành nhằm tăng tính liên thông trong đào tạo cùng một nhóm ngành. Nhà trường đang trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế, phù hợp với chuẩn đầu ra của các ngành nghề Nhà trường đang đào tạo. Trong đó, trường là một trong những trường đầu tiên xây dựng chương trình đào tạo sư phạm tiếp cận CDIO.

Bên cạnh những thuận lợi, các ngành sư phạm của Nhà trường đang đứng trước những khó khăn, thách thức.

Từ năm 2001, Trường Đại học Vinh từ một trường ĐHSP phát triển thành một trường đại học đa ngành tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi có sự điều chỉnh, hiện chưa có một kế hoạch chiến lược riêng cho phát triển lĩnh vực Sư phạm. Mặc dù truyền thống và chất lượng đào tạo sinh viên sư phạm của Trường đã được khẳng định nhưng hiện nay Nhà trường đang là một trường đại học đa ngành. Vì vậy, để lĩnh vực đào tạo sư phạm xứng tầm với thương hiệu đã được khẳng định và là một trung tâm đào tạo giáo viên, thì việc thành lập một trường sư phạm là cần thiết. Song song với quá trình đó, yêu cầu cải thiện hệ thống đảm bảo chất lượng; xây dựng đề án vị trí việc làm; thiết lập văn hoá chất lượng; hướng đến kiểm định Nhà trường và kiểm định các chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn quốc tế... là những yêu cầu cấp thiết.

Nhà trường mặc dù luôn đi đầu trong quá trình đổi mới chương trình đào tạo giáo viên theo tiếp cận năng lực, nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên cho phù hợp yêu cầu mới nhưng trước mắt Nhà trường còn gặp rất nhiều khó khăn do thiếu nguồn lực về cơ sở vật chất, tài chính. Nhà trường đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, các trang thiết bị còn hạn chế cần có thời gian và nguồn ngân sách để trang bị...

Trong những năm gần đây nhiều trường đại học mới đã được thành lập nên việc tuyển sinh của Nhà trường có tính cạnh tranh ngày càng lớn. Những tác động của xã hội đối với nghề giáo viên, thực tế việc làm và thu nhập của giáo viên phổ thông... đang là những thách thức không nhỏ đối với tuyển sinh ngành sư phạm cả nước nói chung và Nhà trường nói riêng. Thu nhập của nhà giáo còn thấp so với lĩnh vực khác làm cho việc tuyển chọn người giỏi về ngành sư phạm nói chung và vào làm giảng viên sư phạm nói riêng còn gặp nhiều khó khăn, trong khi nhu cầu về giảng viên ngành

sư phạm có trình độ cao ngày càng lớn. Yêu cầu vừa đảm bảo chất lượng đầu vào cao, vừa đảm bảo số lượng để đào tạo là một thách thức với nhiều trường đào tạo giáo viên.

Việc được đưa vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia và trường sư phạm chủ chốt đòi hỏi công tác nghiên cứu khoa học và quản lý khoa học của Trường phải hướng vào việc nâng cao chất lượng nghiên cứu, sức cạnh tranh và khả năng hợp tác. Hoạt động nghiên cứu và công bố quốc tế trong lĩnh vực khoa học tự nhiên phát triển khá mạnh, trong khi trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học giáo dục còn hạn chế.

Mặc dù đã chú trọng về hợp tác với các trường địa phương, các Sở/phòng giáo dục, các trường đại học sư phạm trong nước và quốc tế, các viện nghiên cứu sư phạm, và các bên liên quan khác nhưng nhìn chung hiệu quả chưa cao; hoạt động nghiên cứu, dạy - học và chuyển giao các sản phẩm dịch vụ và công nghệ cho các Sở Giáo dục khu vực Bắc Trung Bộ còn manh mún; Việc tinh gọn đội ngũ, cơ cấu tổ chức của khối ngành sư phạm nhằm tạo nên sức sống mới trong nghiên cứu cơ bản là yêu cầu cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Trường Đại học Vinh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, khả năng kinh phí eo hẹp nên việc đầu tư cho Trường còn hạn chế so với yêu cầu phát triển. Mặt khác, Trường đóng trên địa bàn Nghệ An là một tỉnh nghèo nên sự hỗ trợ của địa phương về kinh phí cho xây dựng và phát triển của Nhà trường rất khó khăn. Nguồn ngân sách Nhà nước cấp hiện tại chưa đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường, các dự án đầu tư trong và ngoài nước ngày càng hạn chế dần. Đời sống của cán bộ công chức tuy đã khá lên song còn gặp không ít khó khăn.

Trong bối cảnh đó, tập thể cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh vẫn luôn tin tưởng rằng với truyền thống tự lực tự cường, bằng tất cả trí tuệ, sáng tạo và niềm tin về truyền thống 60 năm đào tạo sư phạm, Nhà trường sẽ đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên vị thế của đại học trọng điểm, trung tâm văn hoá, khoa học, giáo dục của khu vực và cả nước, xứng đáng là *"Ngọn cờ hồng trên quê hương Xô Viết"*.

Phần 2.

SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Tâm nhìn

Đến năm 2030, Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia; trung tâm hàng đầu về đào tạo giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong giáo dục ở khu vực Bắc Trung Bộ, trên cả nước cũng như khu vực châu Á và có năng lực cạnh tranh quốc tế.

2. Sứ mạng

Trường Đại học Vinh cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ngành giáo dục; là trung tâm đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, nghiên cứu và phát triển khoa học giáo dục đáp ứng chuẩn mực của quốc gia, khu vực và quốc tế, góp phần tích cực hiện thực hóa mục tiêu xây dựng xã hội học tập.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Trường Đại học Vinh là điển hình về mô hình quản trị nhà trường tinh gọn, hiệu quả, văn hoá chất lượng; là trung tâm đào tạo sư phạm có trình độ đại học và sau đại học chất lượng cao, đáp ứng chuẩn AUN-QA; là trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học giáo dục và khoa học cơ bản có uy tín trong ước và quốc tế; giữ vai trò nòng cốt và đầu tàu trong đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục ở khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về tổ chức bộ máy: hoàn thành tái cấu trúc Nhà trường giai đoạn I với việc tách các khối ngành ngoài sư phạm ra khỏi khối ngành sư phạm, thành lập các Viện Sư phạm Tự nhiên và Sư phạm Xã hội trước 12/2018; tái cấu trúc giai đoạn II theo định hướng thành lập trường đại học sư phạm dưới sự quản lý tập trung, thống nhất của trường Đại học Vinh với bộ máy tinh giản, gọn nhẹ và vận hành hiệu quả. Cải cách hệ thống quản trị nhà trường với trọng tâm là đẩy mạnh tự chủ và phân quyền tự chủ cho các đơn vị, đổi mới cơ chế và nâng cao năng lực quản lý đảm bảo thực hiện trách nhiệm giải trình; cải cách hành chính; xây dựng quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ quản lý và giảng viên công khai, minh bạch, chất lượng; tuân thủ nghiêm ngặt các qui định của Hiến pháp, Pháp luật và các quy định của ngành.

Về đảm bảo chất lượng: xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng dài hạn đến 2030, trung hạn đến 2022 và hàng năm; thiết lập

văn hoá chất lượng; hướng đến kiểm định Nhà trường và kiểm định các chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Về đào tạo: nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực, đa dạng hóa và quốc tế hóa các loại hình đào tạo, mở rộng liên kết đào tạo với các trường đại học trong nước, khu vực ASEAN và thế giới. Thiết lập môi trường dạy học, học thuật phù hợp cho việc hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới thành công của người học trong tương lai

Về nghiên cứu khoa học: xây dựng và rà soát định kỳ kế hoạch phát triển khoa học công nghệ với trọng tâm là khoa học giáo dục và khoa học cơ bản; tiến hành xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh; sản phẩm nghiên cứu được đăng tải trên các tạp chí trong nước và quốc tế có uy tín, có tính ứng dụng cao.

Về cơ sở vật chất: xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp, đồng bộ, hiện đại đáp ứng quy mô và chất lượng đào tạo của nhà trường; xây dựng và phát triển hệ thống thông tin tổng thể cho hoạt động quản lý, nghiên cứu và giảng dạy của Nhà trường.

Về tài chính: quản lý và điều hành ngân sách có kế hoạch, hiệu quả, minh bạch; nỗ lực khai thác nguồn thu đa dạng và hợp pháp; hướng đến cơ chế tự chủ.

Về nguồn nhân lực: xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn cao, có phong cách giảng dạy và làm việc chuyên nghiệp, có trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế.

Về quan hệ hợp tác với bên ngoài: thiết lập quan hệ với các Sở Giáo dục - đào tạo, các trường phổ thông trong khu vực miền Trung và cả nước, *với các tổ chức, doanh nghiệp để chuyển giao các sản phẩm dịch vụ và công nghệ giáo dục cho cộng đồng*, trọng tâm là các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh; hợp tác chặt chẽ với các trường đại học sư phạm trong nước; mở rộng quan hệ hợp tác với các trường đại học khu vực ASEAN và quốc tế nhằm mục tiêu phát triển, nâng cao vị thế toàn diện của Nhà trường.

4. Giá trị cốt lõi

- **Chất lượng (Quality):** Văn hóa chất lượng tạo nên thương hiệu của Nhà trường, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công của người học.
- **Sáng tạo (Creativity):** Nuôi dưỡng say mê, khuyến khích sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học, hướng tới sự tự chủ và thay đổi trong thời đại học tập suốt đời và cách mạng 4.0

- **Nhân văn (Humanity):** Phát triển môi trường sư phạm lành mạnh với văn hóa chất lượng cao, các giá trị sống và ứng xử nhân văn được nuôi dưỡng, tôn vinh hướng tới đào tạo những con người có văn hóa, nhân cách tốt, phục vụ cộng đồng.
- **Trách nhiệm (Accountability):** Tạo nên phong cách làm việc có trách nhiệm, đảm bảo vị thế là trường trọng điểm quốc gia đứng chân trên địa bàn Bắc Trung bộ, thích ứng với môi trường và chuẩn mực quốc tế.

Phần 3.

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC SƯ PHẠM GIAI ĐOẠN 2018 -2022, TẦM NHÌN 2030

1. Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng

- 1.1. Rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn tới năm 2030 tập trung phát triển lĩnh vực sư phạm và đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đối sánh với các mục tiêu của chương trình ETEP;
- 1.2. Cải thiện chính sách, quy định quản lý Nhà trường nhằm hỗ trợ việc thực thi và giám sát kế hoạch phát triển chiến lược một cách có hiệu quả, qua đó ngành sư phạm của Trường Đại học Vinh trở thành hình mẫu về hoạt động quản lý cũng như cơ chế lãnh đạo trong mạng lưới các trường đại học sư phạm của Việt Nam;
- 1.3. Tái cấu trúc nhà trường giai đoạn 2, thành lập trường Sư phạm dưới sự quản lý tập trung, thống nhất của trường Đại học Vinh;
- 1.4. Cải thiện thủ tục quản lý, tổ chức sắp xếp nhân viên tại các bộ phận theo đúng chức năng và nhiệm vụ.
- 1.5. Cải thiện chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam
- 1.6. Rà soát và ban hành Chính sách đảm bảo chất lượng bên trong (Internal Quality Assurance - QA) và nâng cao chất lượng bên ngoài (External Quality - QE); rà soát cơ chế đảm bảo chất lượng bên trong và thường xuyên kiểm tra quy trình này với sự tham vấn của các chuyên gia trong nước và quốc tế; đảm bảo năng lực nghề nghiệp của cán bộ phụ trách QA, QE.

2. Chương trình đào tạo

- 2.1. Phát triển Chương trình bồi dưỡng, Chương trình đào tạo giáo viên theo hướng tiếp cận năng lực, liên tục cải tiến chất lượng chương trình đào tạo, thực hiện và rà soát chương trình đào tạo với sự tham gia của các bên liên quan thông qua các ý kiến phản hồi của các bên liên quan (sử dụng phiếu điều tra để khảo sát theo hình thức trực tuyến và trực tiếp, phỏng vấn sâu) nhằm đảm bảo chương trình đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan cũng như các quy định của nhà nước;
- 2.2. Giám sát tính nhất quán trong việc thực hiện chương trình ở cấp khoa/viện thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá dựa trên minh chứng; thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện

chương trình; Quản lý hoạt động dạy học ở Trường Đại học Vinh nhằm đảm bảo việc thực hiện đúng chương trình được phê chuẩn và có tính nhất quán giữa các khoa/viện đào tạo;

- 2.3. Phát triển, cải thiện và thực thi chương trình đào tạo và các modules bồi dưỡng thường xuyên; cải thiện chất lượng và tính hiệu quả của công tác giảng dạy; tổ chức hội thảo, hội nghị về phát triển chương trình đào tạo giáo viên nhằm chia sẻ kinh nghiệm giữa các đồng nghiệp; bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng hệ thống e-learning hỗ trợ chương trình đại học, sau đại học và phát triển chuyên môn nghề nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập.
- 2.4. Thiết kế chương trình linh hoạt với các môn học bắt buộc và tự chọn; hệ thống chuyển đổi tín chỉ đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học cũng như sự thay đổi từ các bên liên quan;
- 2.5. Tổ chức nghiên cứu khoa học giáo dục về phát triển chương trình đào tạo và các hoạt động học thuật nhằm cập nhật các chương trình đào tạo giáo viên, nâng cao chất lượng chương trình đáp ứng xu hướng của thế giới.

3. Nghiên cứu, phát triển và đổi mới

- 3.1. Xây dựng chính sách nghiên cứu khoa học giáo dục và chuyển giao kiến thức trung hạn và dài hạn; thiết kế và thực hiện các kế hoạch nghiên cứu, cải thiện chất lượng nghiên cứu giáo dục đáp ứng yêu cầu của chương trình phổ thông tổng thể, thu hút người học, hướng tới nâng cao chất lượng chương trình đào tạo;
- 3.2. Đẩy mạnh nghiên cứu giáo dục; đảm bảo nghiên cứu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội hướng tới sự cải thiện chất lượng đào tạo thông qua việc hợp tác với các chuyên gia cao cấp, các hoạt động đổi mới sáng tạo trong điều kiện cơ sở vật chất tốt; nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu, Khởi nghiệp và Sáng tạo nhằm hỗ trợ các nghiên cứu ứng dụng và đổi mới trong giáo dục cũng như các ngành nghề khác, đồng thời giám sát và đánh giá các hoạt động nghiên cứu;
- 3.3. Phổ biến hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng tạp chí khoa học, công bố rộng rãi các kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế; chuyển giao kết quả nghiên cứu có hiệu quả.
- 3.4. Cải thiện tính hiệu quả của hệ thống quản lý nghiên cứu khoa học.

4. Hoạt động đối ngoại

- 4.1. Đẩy mạnh chính sách hợp tác với các trường địa phương, các Sở/phòng giáo dục, các trường đại học sư phạm trong nước và quốc tế, các viện nghiên cứu sư phạm, và các bên liên quan khác; phát triển các hoạt động nghiên cứu, dạy và học một cách có hiệu quả trong các lĩnh vực chiến lược liên quan tới giáo dục và chương trình phát triển giáo viên; thực hiện nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm dịch vụ và công nghệ cho các Sở Giáo dục khu vực Bắc Trung Bộ, các tổ chức, doanh nghiệp nhằm phục vụ cộng đồng.
- 4.2. Xây dựng, thực thi và đánh giá kế hoạch hợp tác một cách thường xuyên nhằm đảm bảo tính hiệu quả của kế hoạch, phát triển các lĩnh vực ưu tiên trong nghiên cứu giáo dục cũng như các lĩnh vực cần cải thiện, bao gồm các chương trình song song và cơ chế chuyển đổi;
- 4.3. Đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở nghiên cứu và đào tạo giáo viên ở nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu; có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài trong việc giảng dạy, hợp tác nghiên cứu tại trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, đảm bảo tính sáng tạo, đổi mới, đẩy mạnh quá trình hội nhập trong khu vực cũng như trên trường quốc tế;
- 4.4. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược về truyền thông nhằm quảng bá rộng rãi, minh bạch thông tin về nhà trường tới các bên liên quan.

5. Môi trường sư phạm và các nguồn lực

- 5.1. Đảm bảo triết lý giáo dục và các nguyên tắc sư phạm được thể hiện rõ thông qua môi trường giáo dục như: các khu vực học tập mở, câu lạc bộ sinh viên, các hoạt động có sự tham gia của đông đảo giảng viên và sinh viên...;
- 5.2. Rà soát khuôn viên trường học bao gồm các toà nhà, cơ sở vật chất, môi trường tự nhiên; phát triển kế hoạch cải thiện khuôn viên nhà trường nhằm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và phát triển nghề nghiệp của giảng viên (bao gồm nâng cao năng lực ICT; xây dựng các phòng thực hành thí nghiệm phục vụ hoạt động thiết kế và thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy);
- 5.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thường xuyên rà soát và cải thiện tiêu chí, quy trình tuyển dụng cũng như phát triển nghề nghiệp cho giảng viên và các giảng viên thỉnh giảng theo quy định của nhà trường, đảm bảo quy trình minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả;
- 5.4. Phát triển và thực hiện kế hoạch chiến lược về tài chính hướng tới đẩy mạnh sự đa dạng nguồn thu, tăng phúc lợi của cá nhân, đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch trong việc sử dụng và giám sát ngân sách vì mục tiêu giảng dạy và học tập đạt hiệu quả;

- 5.5. Trở thành điểm lưu trữ và sản xuất học liệu sư phạm hiệu quả cho hệ thống các trường sư phạm.

6. Hỗ trợ dạy học

- 6.1. Ban hành chính sách, kế hoạch và rà soát các tiêu chí đánh giá giảng viên, thông báo công khai nhằm đảm bảo việc đánh giá năng lực giảng viên được thực hiện minh bạch; cơ chế khen thưởng dựa trên tiêu chí đánh giá được áp dụng công bằng nhằm khuyến khích chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, sự tham gia vào quá trình chuyển giao kiến thức và phát triển nghề nghiệp;
- 6.2. Cải thiện hoạt động phát triển chuyên môn nghề nghiệp cho giảng viên trường Đại học Vinh với trọng tâm là phát triển kỹ năng sư phạm, năng lực ngoại ngữ, ICT trong giáo dục và nghiên cứu;
- 6.3. Tổ chức chia sẻ kinh nghiệm về các hoạt động hỗ trợ giảng dạy với các trường đại học sư phạm khác thông qua các sự kiện, hội thảo

7. Hỗ trợ học tập

- 7.1. Thường xuyên rà soát và đánh giá quy trình tuyển sinh bao gồm hướng dẫn các bước nộp hồ sơ, rút ngắn và cụ thể hoá quy trình tuyển sinh đối với các đối tượng người học khác nhau, nâng cao chất lượng học tập trải nghiệm của người học;
- 7.2. Đảm bảo thông tin về chương trình đào tạo được công bố công khai, rõ ràng trên website; ý kiến phản hồi của các bên liên quan (sinh viên, học viên, giảng viên, chuyên gia, nhà tuyển dụng) được thu thập hai năm 1 lần nhằm rà soát và cải thiện chất lượng trải nghiệm của người học;
- 7.3. Thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên về tính hiệu quả của quy trình đánh giá, chuyển đổi tín chỉ trong đó bao gồm việc công nhận chứng chỉ và ưu tiên học tập nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ;
- 7.4. Xây dựng môi trường học tập ngoại khóa, trải nghiệm, phát triển kỹ năng thực hành, xây dựng kỹ năng mềm và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, hỗ trợ và tư vấn cho sinh viên yếu thế trong học tập và rèn luyện.
- 7.5. Thúc đẩy tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Phần 4.

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
LĨNH VỰC SỰ PHẠM GIAI ĐOẠN 2018 -2022, TẦM NHÌN 2030**

Lĩnh vực 1: Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng

STT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	Chỉ số TEIDI	Kết quả/Sản phẩm	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, điều chỉnh và thực hiện chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn tới năm 2030 của Nhà trường	Đảm bảo kế hoạch chiến lược đồng bộ với tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường	Thu thập ý kiến của các bên liên quan một cách có hệ thống nhằm cập nhật và điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường	1.1.1	Báo cáo về ý kiến phản hồi của các bên liên quan được công bố công khai trên trang thông tin của trường.	2018-2019
			Rà soát sứ mạng nhà trường căn cứ trên phản hồi của các bên liên quan và đối sánh với các mục tiêu của chương trình ETEP		Báo cáo về nội dung rà soát về tầm nhìn và sứ mạng được thông qua	
			Hoàn thiện kế hoạch chiến lược của Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn tới năm 2030;		Bản kế hoạch chiến lược của trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2022, tầm nhìn tới năm 2030 được được tuyên bố sau khi được rà soát, điều chỉnh phù	

					hợp với sứ mạng của Trường, thể hiện được vị thế Trường Đại học trọng điểm quốc gia và có trên 75% phản hồi tích cực từ các bên liên quan.	
			Phát triển và công bố kế hoạch truyền thông, đảm bảo kế hoạch phát triển chiến lược đồng bộ với tầm nhìn và sứ mạng.	1.1.2	- Kế hoạch chiến lược được đăng tải trên website Nhà trường - Tối đa 2 hội nghị về việc công bố kế hoạch phát triển chiến lược hoặc/và thư điện tử được gửi tới toàn thể cán bộ công nhân viên trong nhà trường. - 01 sổ tay về kế hoạch chiến lược và tiến trình đạt mục tiêu của kế hoạch được xuất bản và phát hành đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan	
			Phát triển kế hoạch hằng năm dựa trên kế hoạch phát triển chiến lược và rà soát việc thực hiện kế hoạch dựa trên minh chứng thu thập ý kiến phản hồi từ giảng viên, sinh	1.1.2	- Kế hoạch năm học được thông qua - Việc thực hiện kế hoạch hành động hàng năm được rà soát dựa trên phản hồi từ giảng viên, sinh viên, các bên liên quan và được	2018-2021

			viên và các bên liên quan		sử dụng làm căn cứ cho kế hoạch tiếp theo - Hệ thống thu thập thông tin của các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của nhà trường được xây dựng và hoạt động	
2	Tái cấu trúc Nhà trường, cải thiện hệ thống quản trị Nhà trường	Đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường	Thành lập Hội đồng rà soát, tái cấu trúc Nhà trường, cải thiện hệ thống quản trị	1.2.1	Hội đồng rà soát, tái cấu trúc Nhà trường, cải thiện hệ thống quản trị được thành lập, chỉ đạo thực hiện, giám sát đánh giá việc thực hiện tái cấu trúc, cải thiện hệ thống quản trị	2018-2019
			- Hoàn thành tái cấu trúc Nhà trường giai đoạn 1, tiến tới thực hiện tái cấu trúc giai đoạn 2 với mục tiêu thành lập Trường Đại học sư phạm Vinh trực thuộc Đại học Vinh - Rà soát các chính sách, quy định hiện thời cũng như cấu trúc quản lý của nhà trường	1.2.1	Các Viện Sư phạm Tự nhiên và Sư phạm Xã hội được thành lập trước 12/2018; Trường Đại học sư phạm thành lập dưới sự quản lý tập trung, thống nhất của trường Đại học Vinh; Sổ tay chính sách và quy định về quản trị được ban hành	

			Rà soát hoạt động quản lý 2 năm 1 lần nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan		Báo cáo rà soát hoạt động quản lý, lãnh đạo bao gồm ý kiến phản hồi của các bên liên quan và các kế hoạch cải thiện kèm theo	
			Giám sát việc thực hiện hiệu quả các thay đổi theo yêu cầu	1.2.3	- Các mặt hoạt động của Trường Đại học Vinh được quản lý linh hoạt, hiệu quả - 70% cán bộ nhân viên và sinh viên hài lòng với việc ứng dụng ICT trong giảng dạy và học tập - Ít nhất 70% bài giảng mẫu ở trường đại học thể hiện được sự sáng tạo, đổi mới trong các hoạt động đào tạo trực tuyến;	
3	Cải tiến các thủ tục quản lý Nhà trường	Cải thiện thủ tục quản lý về tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ đảm bảo rõ ràng, công khai, minh bạch;	Phát triển chính sách và quy định liên quan tới mô tả công việc của nhà trường	1.2.2	- Đề án vị trí việc làm và yêu cầu công việc cụ thể được ban hành; - Năng lực nghề nghiệp của người được tuyển dụng đáp ứng chức năng và nhiệm vụ của mỗi vị trí việc làm.	2018 - 2022

		Tổ chức, sắp xếp, thu thập dữ liệu cán bộ nhân viên tại các bộ phận theo đúng chức năng, nhiệm vụ.	Phát triển phần mềm thu thập, xử lý thông tin giảng viên và người học	1.3.3 1.3.4	Dữ liệu của 100% giảng viên và sinh viên được thu thập, xử lý và được cập nhật hàng năm	2018 - 2022
4	Xây dựng văn hoá đảm bảo chất lượng	Cải thiện chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam	Rà soát và ban hành chính sách đảm bảo chất lượng;	1.3.1	Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường được thiết lập và vận hành, các chính sách về đảm bảo chất lượng được xây dựng và có tham vấn của chuyên gia trong và ngoài nước.	2018-2021
			Đảm bảo rằng kế hoạch QA được rà soát dựa trên chính sách của nhà trường và các tiêu chí QA của Bộ Giáo dục và Đào tạo		- Hướng dẫn về QA và kế hoạch QA hàng năm được rà soát - Chuẩn QA được rà soát dựa trên chuẩn của của Bộ Giáo dục và Đào tạo	
			Tự đánh giá và đánh giá ngoài các chương trình đào tạo giáo viên	1.3.2	10 chương trình đào tạo giáo viên được tự đánh giá, 3 chương trình đào tạo giáo viên được kiểm định và được công nhận theo tiêu chuẩn quốc gia	

			Rà soát kế hoạch đảm bảo chất lượng bên trong và thường xuyên duy trì việc cải thiện chất lượng với sự tham vấn của các chuyên gia trong nước và quốc tế	1.3.1	- Báo cáo về hoạt động QA được rà soát 5 năm 1 lần căn cứ trên chuẩn đảm bảo chất lượng của của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có sự tham vấn các chuyên gia quốc tế. - Các tiêu chuẩn QA được rà soát căn cứ trên chuẩn đảm bảo chất lượng của của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
			Đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa các quy trình QA được thực hiện bởi Trung tâm Đảm bảo chất lượng Trường Đại học Vinh; cán bộ nhân viên Trung tâm cũng như các cán bộ khác phụ trách QA, QE có trình độ chuyên môn cao	1.3.1	- Quy định về chức năng, nhiệm vụ của cán bộ Trung tâm Đảm bảo chất lượng được rà soát và điều chỉnh định kỳ. - 12 cán bộ Trung tâm đảm bảo chất lượng được tập huấn nâng cao năng lực về chuyên môn, năng lực nghiên cứu giáo dục và năng lực đào tạo trực tuyến (12 cán bộ Trung tâm Đảm bảo chất lượng và 12 viên chức phụ trách công tác đảm bảo chất lượng cấp đơn vị được tham gia ít nhất 01	

					khóa bồi dưỡng về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học); hỗ trợ từ 2-3 cán bộ được cử đào tạo Thạc sỹ về đo lường đánh giá.	
--	--	--	--	--	--	--

Lĩnh vực 2: Chương trình đào tạo

STT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	TEIDI	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
5	Rà soát, cải tiến và thực hiện chương trình bồi dưỡng, đào tạo đại học và sau đại học	Rà soát, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan	Rà soát, cải tiến định kỳ chương trình bồi dưỡng, chương trình đào tạo cử nhân sư phạm theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên phản hồi của các bên liên quan, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ở Việt Nam	2.4.1	Ít nhất 05 chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học ưu tiên theo hướng tiếp cận năng lực được rà soát, phê duyệt và triển khai thực hiện 03 chương trình bồi dưỡng, đào tạo giáo viên được tham vấn của các bên liên quan 6 chương trình đào tạo giáo viên THCS được ETEP phân công được xây dựng và sử dụng ở cấp quốc gia gồm: SP Toán học, SP Toán chất lượng cao, SP Toán dạy bằng tiếng Anh, SP Công	2018-2021

					Nghệ, SP Ngữ Văn, SP Ngữ Văn chất lượng cao.	
			Mở rộng các quy định về chuyển đổi tín chỉ giữa các khối ngành nhằm giúp sinh viên lựa chọn ngành học linh hoạt hơn		Hệ thống chuyển đổi tín chỉ khối ngành KHXH và KHTN được sinh viên sử dụng hiệu quả	
			Phát triển chương trình đào tạo giáo viên giảng dạy bằng tiếng Anh		Phát triển ít nhất 2 chương trình cử nhân sư phạm giảng dạy bằng tiếng Anh	
			Thường xuyên rà soát chương trình cử nhân sư phạm và thạc sỹ sư phạm thích ứng với sự thay đổi của giáo dục trong bối cảnh mới, dựa trên phản hồi của các bên liên quan, số liệu thống kê về việc làm của sinh viên...		100% chương trình cử nhân và thạc sỹ sư phạm theo hướng tiếp cận năng lực được rà soát, điều chỉnh và phê duyệt	
			Rà soát chương trình đào tạo	2.4.1	- 4 chương trình đào tạo Tiến sĩ	

			Tiến sỹ chuyên ngành giáo dục nhằm cập nhật xu hướng phát triển của khoa học giáo dục trong nước và quốc tế, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục		chuyên ngành giáo dục được rà soát, chỉnh sửa và phê duyệt có tham khảo chương trình của các trường đại học sư phạm trong nước, khu vực và quốc tế.	
6	Quản lý hoạt động dạy học ở Trường Đại học Vinh	Cải thiện chất lượng và tính hiệu quả của công tác giảng dạy	Thường xuyên giám sát hoạt động giảng dạy của cán bộ giảng dạy nhằm đảm bảo việc thực hiện đúng chương trình được phê chuẩn và có tính nhất quán giữa các khoa/viện đào tạo	2.5.1	- Báo cáo 2 lần/năm về hiệu quả của công tác giảng dạy - Ít nhất 70% bài giảng mẫu (trong 100 bài) thể hiện sự đổi mới, sáng tạo trong phương pháp sư phạm. - Ít nhất 1 sự kiện hằng năm về sinh viên nghiên cứu khoa học thể hiện năng lực nghiên cứu tốt - 2 hội thảo quốc tế về phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, dạy học theo hướng tiếp cận năng lực	2018-2021
7	Phát triển, cải thiện và thực thi chương trình và các modules	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo	Thành lập hội đồng xây dựng, rà soát kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	2.4.2 2.4.3	- Hội đồng xây dựng, rà soát kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên được thành lập; - Chương trình bồi dưỡng giáo	2018-2021

BDTX	dục		viên phổ thông, giảng viên sư phạm, cán bộ quản lý do trường đã và đang thực hiện được nghiên cứu/rà soát, chỉnh sửa.
		Thu thập phản hồi từ các bên liên quan về kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	- Ít nhất 5 modules BDTX cho giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và các học liệu liên quan được xây dựng, rà soát
		Phát triển chương trình và học liệu phục vụ bồi dưỡng thường xuyên	Báo cáo về ý kiến phản hồi của các bên liên quan được công bố trên trang thông tin của Trường
		Chuyển tải chương trình BDTX tới giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục	- Khung chương trình và học liệu cho việc phát triển nghề nghiệp được thiết kế và đưa vào sử dụng - Xây dựng học liệu 3 modules Địa phương học cho 3 tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh 60% giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục 3 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh được tiếp cận các dịch vụ BDTX, phát triển chuyên môn nghề nghiệp

			Tổ chức hội nghị về giảng dạy và kiểm tra đánh giá tiếp cận năng lực		- Ít nhất 1 hội nghị được tổ chức hằng năm tại trường Đại học Vinh về giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực với ít nhất 70% người tham gia đánh giá tích cực	
			Rà soát và cải thiện chương trình BDTX cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục	2.4.3	- Chương trình BDTX được rà soát và cải thiện với sự tham vấn của chuyên gia. - Ít nhất 70% bài giảng mẫu thể hiện được các tiêu chuẩn dựa trên năng lực và chiến lược đổi mới, sáng tạo.	
8	Xây dựng hệ thống e-learning hỗ trợ chương trình bồi dưỡng thường xuyên, đại học, sau đại học và phát triển chuyên môn nghề nghiệp	Đẩy mạnh ứng dụng ICT trong giảng dạy và học tập	Xây dựng hệ thống e-learning và nguồn học liệu cho đào tạo trực tuyến	2.5.4 2.5.6	Hệ thống đào tạo trực tuyến được vận hành ổn định; chương trình đào tạo trực tuyến dành cho các môn học được thực hiện	2018-2019

Lĩnh vực 3: Nghiên cứu, phát triển và đổi mới

STT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	TEIDI	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
9	Xây dựng chính sách và kế hoạch trung hạn, dài hạn về nghiên cứu và phát triển khoa học giáo dục	Cải thiện chất lượng nghiên cứu và phát triển giáo dục, mang lại ảnh hưởng tích cực đối với chất lượng của chương trình đào tạo	Hội đồng rà soát hoạt động nghiên cứu giáo dục được thành lập	3.6.1	Hội đồng rà soát hoạt động nghiên cứu giáo dục được thành lập	2018-2021
			Rà soát chính sách nghiên cứu giáo dục		Báo cáo rà soát bao gồm nội dung phản hồi của các bên liên quan	
			Thiết lập chính sách nghiên cứu và chuyển giao kiến thức trung hạn và dài hạn		- Chính sách và kế hoạch nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trung hạn và dài hạn được xây dựng và ban hành, ưu tiên đổi mới ngành sư phạm, quản lý giáo dục, khoa học xã hội; Ít nhất 75% ý kiến phản hồi tích cực của các bên liên quan về chính sách ưu tiên phát triển nghiên cứu; - Minh chứng về các sản phẩm nghiên cứu giáo dục ứng dụng	

				và hợp tác: kế hoạch nghiên cứu, bài báo khoa học, chương (sách), luận văn thạc sỹ về giáo dục và các sản phẩm hợp tác với các trường phổ thông được rà soát 2 năm 1 lần	
				Chính sách nghiên cứu giáo dục được thông qua với trọng tâm là đổi mới ngành sư phạm, hoạt động tự học của sinh viên và phát triển chương trình ở các trường phổ thông	
			Lập kế hoạch trung hạn, dài hạn về nghiên cứu và chuyển giao kiến thức với sản phẩm và mục tiêu rõ ràng	Kế hoạch nghiên cứu khoa học giáo dục được thông qua và cập nhật hàng năm	
			Thực hiện và giám sát kế hoạch phát triển và nghiên cứu giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và trường phổ thông, hướng tới cải thiện chất lượng chương trình đào tạo	- Báo cáo hằng năm của Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế về các hoạt động và sản phẩm nghiên cứu ứng dụng - Ít nhất 3 xuất bản phẩm liên quan tới lĩnh vực giáo dục, trong đó ít nhất 1 sản phẩm đăng trên	

					tạp chí quốc tế có uy tín theo Quyết định số 224/QĐ - HDQL - NAFOSTED ngày 8/11/2017 trong giai đoạn 2 năm	
10	Hỗ trợ nâng cao chất lượng nghiên cứu và ứng dụng các sản phẩm nghiên cứu vào các hoạt động giảng dạy và học tập	Cải thiện chất lượng đổi mới, sáng tạo trong nghiên cứu thông qua việc hợp tác với các chuyên gia cao cấp cũng như thông qua các hoạt động học tập và khám phá trong điều kiện cơ sở vật chất tốt	Cải thiện chương trình học tập, giảng dạy thông qua việc ứng dụng các sản phẩm nghiên cứu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội về giáo dục Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu, Khởi nghiệp và Sáng tạo nhằm hỗ trợ nghiên cứu về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá cũng như các xu hướng giáo dục trên thế giới, qua đó cải thiện chất lượng giảng dạy và đổi mới	3.6.2. 3.6.3 3.6.4 3.7.1.	04 đề tài về lĩnh vực ưu tiên như khoa học giáo dục, đổi mới ngành sư phạm được tài trợ kinh phí đến năm 2021. Kết quả nghiên cứu được áp dụng tại Trường Đại học Vinh. - Báo cáo giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục của Trung tâm Nghiên cứu, Khởi nghiệp và Sáng tạo hằng năm với ít nhất 3 công trình trong giai đoạn 2 năm được thực hiện. - Ít nhất 5 ấn phẩm về lĩnh vực giáo dục được xuất bản trong nước, liên quan tới các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên trong giai đoạn 2 năm	2018-2021

					- Ít nhất 3 bài báo/chương (sách) được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín theo Quyết định số 224/QĐ - HĐQL - NAFOSTED ngày 8/11/2017	
11	Phổ biến hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng tạp chí khoa học	Công bố các kết quả nghiên cứu và đảm bảo rằng kiến thức và những kết quả nghiên cứu được chuyển giao	Tham gia tích cực vào quá trình chuyển giao kiến thức và kết quả nghiên cứu ở tầm quốc gia	3.7.2	- 70% lượt giảng viên tham dự các hội thảo quốc gia trong lĩnh vực khoa học giáo dục trong 5 năm - 20% giảng viên tham dự hội thảo quốc tế trong 5 năm. - Ít nhất 2 sự kiện chia sẻ về BDTX được tổ chức cho giáo viên các trường phổ thông - Xây dựng mục dành riêng cho giáo dục trong tạp chí khoa học của trường Đại học Vinh bắt đầu từ năm 2019. - Ban Tư vấn quốc tế cho kế hoạch nghiên cứu giáo dục, khoa học xã hội, Tạp chí khoa học cũng như các hoạt động nghiên cứu khác được thành lập và hoạt	2018-2021

					động hiệu quả; - Ít nhất 2 bài báo về lĩnh vực giáo dục được viết bằng tiếng Anh và xuất bản trên mỗi số	
			Thiết lập cơ chế hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm nghiên cứu		- Mời các học giả quốc tế tham gia vào Ban biên tập của Tạp chí Khoa học, phụ trách mảng giáo dục - Ít nhất 1 hội nghị được tổ chức mỗi năm nhằm cung cấp hướng dẫn về việc đăng bài trên các tạp chí quốc tế có chất lượng - Ít nhất 2 diễn giả của khu vực và quốc tế được mời đến mỗi năm để trình bày các vấn đề về nghiên cứu giáo dục	
			Tạo ra các sản phẩm nghiên cứu chất lượng được công bố cấp quốc tế		Đến năm 2021, ít nhất 02 bài báo thuộc danh mục ISI/ SCOPUS về khoa học giáo dục, khoa học sư phạm được công bố.	
12	Phát triển hệ thống quản lý hoạt động	Cải thiện tính hiệu quả của hệ thống quản lý nghiên cứu	Xây dựng hệ thống quản lý nghiên cứu khoa học	3.7.3	Cơ sở dữ liệu về khoa học giáo dục và công nghệ được thiết kế, ứng dụng và sử dụng một cách	2018-2021

	nghiên cứu khoa học	khoa học			rộng rãi, có hiệu quả trong toàn trường	
--	---------------------	----------	--	--	---	--

Lĩnh vực 4: Hoạt động đối ngoại

STT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	TEIDI	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
13	Phát triển chính sách và kế hoạch hành động trong việc hợp tác với Sở/phòng Giáo dục, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước	Cải thiện hợp tác giữa các bên liên quan	Thành lập nhóm phát triển kế hoạch hợp tác với các trường phổ thông ở địa phương, Sở/Phòng Giáo dục, các trường đại học trong nước, cơ sở nghiên cứu và đào tạo sư phạm nước ngoài cũng như các bên liên quan khác. Kế hoạch này thường xuyên được rà soát căn cứ trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan	4.8.1	- Chính sách và kế hoạch hành động về hợp tác với Sở/phòng Giáo dục, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước được Hiệu trưởng thông qua - Ít nhất 03 thoả thuận hợp tác với các Sở/phòng Giáo dục trên địa bàn được phân công, 06 thoả thuận với các cơ sở giáo dục trong nước và 02 cơ sở giáo dục quốc tế được ký kết và thực hiện.	
14	Phối hợp với Sở Giáo dục 3 tỉnh Bắc Trung Bộ	Thực hiện sự phối hợp trong đào tạo, nghiên cứu và	- Triển khai nghiên cứu về đổi mới, sáng tạo giáo dục	4.8.2	-Ít nhất 3 đề tài hợp tác nghiên cứu về đổi mới giáo dục tại khu vực Bắc Trung Bộ	2019-2021

	(Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh) trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ	chuyển giao công nghệ cho các Sở Giáo dục Bắc Trung Bộ có hiệu quả	- Nâng cao kỹ năng sư phạm cho giáo viên phổ thông khu vực Bắc Trung Bộ trong hoạt động thực hành kỹ năng		- Tổ chức 3 khóa bồi dưỡng giáo viên phổ thông về kỹ năng sư phạm để thực hiện các hoạt động thực hành cũng như giảng dạy trực tuyến. 75% ý kiến phản hồi của giáo viên là tích cực	
15	Hợp tác với các trường đại học trong nước trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ	Nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên cũng như chất lượng giảng dạy và nghiên cứu của nhà trường	Tham gia tích cực vào các hoạt động của mạng lưới các trường sư phạm về các lĩnh vực ưu tiên trong giảng dạy và nghiên cứu Xây dựng kế hoạch chuyển giao kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm và các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giữa các trường Đại học.	4.8.2 4.10.2	- Ít nhất 5 nội dung hợp tác về phát triển chương trình BDTX (có thể đi đầu trong việc chia sẻ kết quả nghiên cứu với các trường sư phạm khác) và các lĩnh vực ưu tiên được thực hiện với các trường đại học sư phạm. - Ít nhất 6 giảng viên tham gia chương trình trao đổi giảng viên nhằm thực hiện các buổi seminar, giảng bài và tư vấn cho sinh viên - Kế hoạch hợp tác với các trường đại học được Hiệu trưởng thông qua, thực hiện và rà soát định kỳ - Ít nhất 02 hội thảo quốc gia về	2018-2021

			Kế hoạch hợp tác được thực hiện và rà soát định kỳ		CPD được tổ chức tại trường Đại học Vinh	
16	Hợp tác với các trường phổ thông trong khu vực Bắc Trung Bộ về đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực giáo viên	Đảm bảo tính hiệu quả của các khoá đào tạo CPD, nhận dạng được các lĩnh vực cần cải thiện	- Triển khai một số khoá học phát triển chuyên môn nghề nghiệp cho giáo viên - Tổ chức một số sự kiện khoa học giáo dục hằng năm nhằm kết nối với các trường phổ thông	4.8.1 4.10.4	- Thành lập mạng lưới các trường phổ thông vệ tinh (gồm cả Trường Thực hành sư phạm và THPT Chuyên) nhằm trao đổi về hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. - Ít nhất 25,000 giáo viên được đào tạo CPD trực tuyến	2018-2021
17	Phát triển hợp tác quốc tế về giáo dục	Đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở nghiên cứu và đào tạo giáo viên ở	- Triển khai thực hiện đào tạo chuyên môn căn cứ trên chuẩn giáo viên và giảng viên	4.9.1 4.9.2 4.9.3	- Triển khai thực hiện đào tạo chuyên môn căn cứ trên chuẩn giáo viên và giảng viên	2018-2021
			- Phát triển kế hoạch tài chính nhằm hỗ trợ giảng viên tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế		- Ít nhất 02 thoả thuận hợp tác với các trường đại học nước ngoài được ký kết và triển khai thực hiện;	

		nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu	Có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài trong các hoạt động giảng bài, nghiên cứu nhằm đảm bảo tính sáng tạo, đổi mới và khuyến khích hội nhập khu vực và thế giới - Nâng cao năng lực tiếng Anh cho giảng viên		3 hoặc 4 chuyên gia nước ngoài được mời tham gia các buổi seminar về khoa học giáo dục và tư vấn cho giảng viên, sinh viên của Nhà trường Ít nhất 60% giảng viên đạt chuẩn tiếng Anh B2 hoặc tương đương	
18	Xây dựng và thực hiện chiến lược truyền thông	Phát triển chiến lược truyền thông	- Ban hành Chiến lược truyền thông nhằm quảng bá thông tin về Đại học Vinh - Cập nhật các thông tin cần thiết trên website - Tuân thủ nghiêm túc các quy định về sở hữu trí tuệ, bổ sung phần mềm chống sao chép, đạo văn	4.11.1 4.11.2	- Dữ liệu về trường Đại học Vinh (giảng viên, điểm đầu vào, năng lực sư phạm của sinh viên, tỷ lệ việc làm sau khi ra trường) được công khai trên website và thường xuyên được cập nhật - Chính sách về sở hữu trí tuệ được quảng bá và thường xuyên sửa đổi	2019-2021

Lĩnh vực 5: Môi trường giáo dục và các nguồn lực

STT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	TEIDI	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
19	Thiết kế lại không gian học tập, cải thiện môi trường giáo dục của Trường	Cải thiện cảnh quan, khuôn viên nhà trường cho đào tạo giáo viên và CPD	Không gian học tập được thiết kế lại cho hoạt động tự học, làm việc nhóm và hoạt động câu lạc bộ của sinh viên	5.12.1	2 không gian học tập tại cơ sở 1 được thiết kế lại	2018-2021
			Cải thiện cảnh quan nhà trường nhằm mang lại môi trường học tập và giảng dạy tốt hơn	5.12.2	- Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng được chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, một số cơ sở vật chất, thiết bị đạt chuẩn quốc tế. - 30% khuôn viên nhà trường là cây xanh	2018-2019
20	Nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng ICT cho hoạt động đào tạo giáo viên và CPD	Cải thiện cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên và CPD	Phát triển kế hoạch tổng thể hằng năm nhằm cải thiện cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu đào tạo sư phạm và CPD	5.13.1	Kế hoạch được thông qua và rà soát định kỳ	2018-2019
			Thành lập Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, sinh viên nhằm nâng cao kỹ năng sư phạm	5.13.2	Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm được thành lập, được trang bị cơ sở vật chất và hoạt động hiệu quả nhằm phục vụ đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên	2018-2019

			Nâng cấp phòng học cho đào tạo từ xa và đào tạo trực tiếp		- 10 phòng học/phòng họp từ xa được nâng cấp - 36 phòng học tại cơ sở 1 được nâng cấp với thiết bị ICT	2018-2019
			Thiết lập phòng học ngoại ngữ nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh cho giảng viên và sinh viên		5 phòng học ngoại ngữ được nâng cấp với ít nhất 70% bài giảng mẫu thể hiện đổi mới trong phương pháp sư phạm	2018-2019
		Cải thiện chất lượng đào tạo giáo viên, qua đó Trường Đại học Vinh trở thành ví dụ điển hình cho việc ứng dụng hiệu quả ICT trong giảng dạy và học tập	Cải tạo một số phòng học để thành lập Trung tâm sản xuất học liệu trực tuyến	5.13.3 5.13.4	01 Trung tâm sản xuất học liệu trực tuyến được thành lập	2018-2019
			Nâng cấp thư viện nhà trường và trung tâm học liệu trong đó có nguồn học liệu (bản mềm) về CPD phù hợp với chương trình đào tạo giáo viên		Thư viện điện tử trường Đại học Vinh được nâng cấp và kết nối với 2 cơ sở dữ liệu quốc tế	2018-2020
			Xây dựng phần mềm nhằm đảm bảo các khoá học CPD được tổ chức đạt hiệu quả cao, sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp		Hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) được thiết lập	2018-2019
			Nâng cấp phần cứng ICT đảm bảo tính hiệu quả của các sản		Phần cứng ở Trung tâm ICT được nâng cấp	

			phẩm giảng dạy			
21	Phát triển và thực hiện kế hoạch chiến lược về tài chính	Phát triển và đa dạng các nguồn thu nhập, đầu tư, đảm bảo việc vận hành ngân quỹ hiệu quả và minh bạch	- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch tài chính đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả trong việc sử dụng, bố trí tài chính - Đa dạng các nguồn thu từ đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, hợp tác quốc tế, hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tương thích với sứ mạng và kế hoạch chiến lược của Nhà trường	5.14.1 5.14.2	- Kế hoạch chiến lược về tài chính được Hội đồng trường thông qua - Báo cáo tài chính hằng năm được công bố, việc sử dụng các nguồn ngân sách dành cho hoạt động học thuật được thể hiện - Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát hàng năm	2018-2022
22	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Cải thiện chất lượng giảng viên cơ hữu và giảng viên mới tuyển dụng	Rà soát tiêu chí, quy trình tuyển dụng, phát triển nghề nghiệp cho giảng viên đảm bảo tính minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu về sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Vinh	5.15.1 5.15.2 5.15.3	- Hội đồng rà soát chính sách tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực được thành lập - Báo cáo về chính sách tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực được thảo luận trong Hội đồng trường - Ít nhất 2 giảng viên bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ về khoa học giáo dục mỗi năm	2018-2021

Lĩnh vực 6: Hỗ trợ dạy học

STT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	TEIDI	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
23	Phát triển chính sách đánh giá và đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng	Đánh giá, khen thưởng và tạo động lực cho đội ngũ giảng viên thông qua hệ thống đánh giá minh bạch, chính xác và theo định hướng tiếp cận năng lực	Rà soát các chính sách và tiêu chí đánh giá giảng viên nhằm đảm bảo quy trình đánh giá công khai, minh bạch	6.17.1 6.17.2	- Chính sách đánh giá giảng viên công khai, minh bạch được thông qua và công bố rộng rãi - Chế độ thi đua được rà soát và ban hành nhằm tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy, nghiên cứu. - 03 lớp nâng cao năng lực Tiếng Anh với ít nhất 100 giảng viên sư phạm và giảng viên quản lý giáo dục được Nhà trường tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ.	2018-2021
			Rà soát và cải thiện chế độ thi đua khen thưởng dành cho giảng viên đạt thành tích cao trong giảng dạy và nghiên cứu			
	Cải thiện hoạt động phát triển chuyên môn nghề nghiệp cho giảng viên Trường Đại học	Phát triển và thực thi kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho giảng viên nhằm hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch	Triển khai việc đánh giá hằng năm đối với giảng viên dựa trên các tiêu chí	6.16.1 6.16.3	- Tổ chức 6 khoá học ngắn hạn về ICT (tập trung vào TEMIS và LMS) nhằm nâng cao năng lực ICT cho giảng viên, 100% giảng viên tham gia khóa học có năng lực để thiết kế, sử dụng ICT	
			Lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp và đánh giá giảng viên dựa vào các tiêu chí	6.16.5		

24	Vinh	phát triển chiến lược	Nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp cho giảng viên với trọng tâm là phát triển kỹ năng sư phạm, năng lực ngoại ngữ, ICT trong giáo dục và nghiên cứu.		trong đào tạo trực tuyến - Tổ chức 2 hội thảo về giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực với ít nhất 70% người tham gia đánh giá tích cực - Ít nhất 70% bài giảng mẫu cho thấy đổi mới trong phương pháp giảng dạy - Ít nhất 10% giảng viên có bài giảng bằng tiếng Anh trong giai đoạn 5 năm - 60% giảng viên sư phạm được tham gia hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông vệ tinh hoặc hệ thống trường thực hành của nhà trường.	2018-2021
			Tổ chức seminars hỗ trợ giảng viên giảng dạy hiệu quả các khoá học dành cho giáo viên về dạy học tích hợp liên môn và cho sinh viên bậc đại học.	6.16.4	Ít nhất 2 seminars được tổ chức hằng năm tại trường Đại học Vinh	2018-2021

ĩnh vực 7: Hỗ trợ học tập

STT	Nội dung	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu cụ thể	TEIDI	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
25	Rà soát, đánh giá và ban hành quy trình tuyển sinh mới	Rà soát và đánh giá quy trình tuyển sinh đối với các đối tượng người học khác nhau nhằm đảm bảo quy trình tuyển sinh khách quan, minh bạch, lựa chọn được những thí sinh đạt tiêu chuẩn vào ngành sư phạm	Thành lập Hội đồng rà soát quy trình tuyển sinh	7.18.1	- Hội đồng rà soát quy trình tuyển sinh được thành lập	2018-2021
			Rà soát kế hoạch tuyển sinh hằng năm		- Quy trình tuyển sinh mới được ban hành và công bố công khai và cập nhật hàng năm	
			Đẩy mạnh quảng bá tuyển sinh trên các phương tiện truyền thông đại chúng, qua đó người học có thể dễ dàng cập nhật thông tin tuyển sinh của nhà trường		- Hoạt động tuyển sinh được công bố trên các phương tiện truyền thông đại chúng. - Bảng thống kê, đánh giá chất lượng nguồn tuyển sau mỗi năm	
26	Công bố rộng rãi thông tin cho người học về các cơ hội giáo dục trong trường đại học	Liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ hỗ trợ học tập	- Công bố công khai, rõ ràng thông tin về chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng, hằng năm thu thập ý kiến phản hồi của người học cải thiện chất lượng chương	7.18.2 7.18.4	- Thông tin về chương trình đào tạo được công khai trên website - Thông tin trên website được cập nhật thường xuyên - Ít nhất 70% người dùng website tìm thấy thông tin hữu	2018-2021

			trình đào tạo. - Truyền tải thông tin rõ ràng trên website và thông qua các dịch vụ tư vấn		ích (khảo sát về sự hài lòng của người dùng) - Nâng cấp website hàng năm dựa trên phản hồi của người học và các bên liên quan	
27	Rà soát quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên	Nâng cao tính nhất quán và chất lượng của các dịch vụ liên quan tới kiểm tra đánh giá sinh viên và chuyển đổi tín chỉ	Đa dạng các hình thức đánh giá tiếp cận năng lực và tuân thủ nghiêm túc quy chế thi cử và đánh giá Thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên về tính hiệu quả của quy trình đánh giá	7.19.1 7.19.2	- Các hình thức kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực được tham vấn các chuyên gia - Ngân hàng câu hỏi theo tiếp cận năng lực được phát triển; điều tra, báo cáo sơ bộ về kết quả kiểm tra đánh giá sinh viên được thực hiện. - Ít nhất 30% chương trình phát triển chuyên môn nghề nghiệp và đào tạo sư phạm áp dụng phương pháp đánh giá tiếp cận năng lực	2018-2021
			Cải thiện quy trình chuyển đổi tín chỉ đáp ứng yêu cầu học tập linh hoạt		Quy định chuyển đổi tín chỉ được Hiệu trưởng thông qua và rà soát định kỳ	

28	Xây dựng môi trường học tập ngoại khóa, trải nghiệm, phát triển kỹ năng cho sinh viên; hỗ trợ và tư vấn cho sinh viên yếu thế trong học tập và rèn luyện	Phát triển kế hoạch tư vấn cho sinh viên về các hoạt động ngoại khóa nhằm thực hành, xây dựng kỹ năng mềm và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên; tạo điều kiện cho sinh viên yếu thế có cơ hội học tập và rèn luyện	Phát triển kế hoạch tư vấn về hoạt động ngoại giờ lên lớp cho sinh viên	7.20.1 7.18.3	- Kế hoạch hành động hằng năm về chương trình ngoại khóa được thông qua - Ít nhất 70% người tham gia các hoạt động ngoại khóa đánh giá tích cực về các hoạt động	2018-2021
			Tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao kỹ năng sư phạm cho sinh viên		- Ít nhất 10 sự kiện học tập trải nghiệm được tổ chức mỗi năm	
			Cải thiện năng lực tiếng Anh thông qua các câu lạc bộ		- Câu lạc bộ TA được thành lập và hoạt động hằng tuần.	
			Hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài bằng các lớp học, các câu lạc bộ đặc thù		- Ít nhất 01 lớp tiếng Việt dành cho Lưu học sinh được tổ chức mỗi năm - Hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động của Câu lạc bộ Mái ấm Trường Vinh hàng năm	
29	Hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt	Thúc đẩy tư vấn hướng nghiệp và tìm kiếm việc làm	Đẩy mạnh dịch vụ tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho người học	7.20.2	- Ban liên lạc cựu sinh viên được thành lập - Tổ chức ít nhất 01 hoạt động	2018-2020

	nghiep	cho sinh vien	Thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên và hỗ trợ các hoạt động nhằm thu hút cựu sinh viên tham gia vào các hoạt động của nhà trường		hướng nghiệp cho sinh viên hàng năm	
			Phát triển cơ sở dữ liệu cựu sinh viên và đẩy mạnh vai trò của cựu sinh viên đối với các hoạt động của nhà trường		- Cơ sở dữ liệu về cựu sinh viên được xây dựng	

Phần 5.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Tổ chức thực hiện:

Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược, các khoa/viện đào tạo sư phạm và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm lập kế hoạch hành động, mô tả các nhiệm vụ và hành động cụ thể, các bước thực hiện, yêu cầu và cam kết về nguồn lực và công tác tổ chức thực hiện từng bước: nội dung công việc, thời gian thực hiện, các bên tham gia, nguồn lực.

2. Tổ chức giám sát và đánh giá kết quả:

Hiệu trưởng Nhà trường phân công các đơn vị giám sát việc thực hiện Kế hoạch chiến lược trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Kế hoạch chiến lược được giám sát và đánh giá theo Bộ Chỉ số phát triển các trường sư phạm (TEIDI).

Về giám sát và đánh giá nội bộ, Ban Quản lý Chương trình ETEP và Bộ phận đánh giá TEIDI của Nhà trường hàng năm có trách nhiệm giám sát, đánh giá, khuyến nghị đối với lãnh đạo Nhà trường và các đơn vị có liên quan về quy trình, tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch chiến lược. Hàng năm, Nhà trường tiến hành sơ kết việc thực hiện Kế hoạch chiến lược và định hướng điều chỉnh cho các năm tiếp theo.

Về giám sát và đánh giá ngoài, Ban Quản lý Chương trình ETEP và Hội đồng đánh giá đồng cấp TEIDI của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch chiến lược của Nhà trường vào các năm 2019 và 2021./.

